



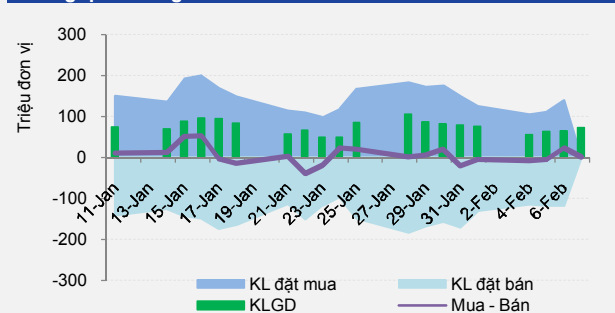
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 7/2/2013

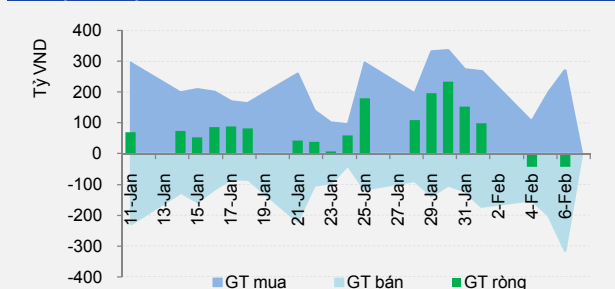
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	490.6	65.0
% Thay đổi	↑ 0.5%	↑ 1.4%
KLGD (CP)	73,005,691	65,726,452
GTGD (tỷ đồng)	1,167.09	532.46
Tổng cung (CP)	-	96,212,800
Tổng cầu (CP)	-	112,256,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	-	772,000
KL mua (CP)	-	1,617,100
GTmua (tỷ đồng)	-	19.29
GT bán (tỷ đồng)	-	10.48
GT ròng (tỷ đồng)	-	8.81

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.82%	7.9	1.5	1.5%
Công nghiệp	↑ 2.64%	12.9	0.9	18.1%
Dầu khí	↑ 2.60%	5.6	1.0	1.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.88%	6.5	1.1	0.7%
Dược phẩm và Y tế	↑ 2.35%	6.1	2.1	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.78%	10.9	4.5	18.6%
Ngân hàng	↑ 1.73%	5.6	1.7	10.9%
Nguyên vật liệu	↑ 2.94%	7.4	2.0	12.5%
Tài chính	↑ 3.25%	27.2	2.9	31.9%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 2.00%	13.7	2.9	3.9%
VN - Index	↑ 0.46%	13.6	2.9	69.0%
HNX - Index	↑ 1.39%	14.5	1.4	31.0%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,069,120	1.5%	3,218,090	4.4%
GTGD (triệu VND)	15,002	1.3%	24,707	2.1%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua đỉnh cũ 470 điểm hình thành Gap có độ rộng lớn tuy nhiên chỉ số VN-Index đã không nối tiếp được đà tăng mạnh này mà có một tuần sideway. Sau phiên tăng điểm mạnh với khối lượng giao dịch lớn ngày hôm qua thì chỉ số VN-Index tiếp tục có phiên tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên phiên break này chưa thuyết phục và có thể sẽ test lại khu vực này trong phiên tới.

Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch và khi tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự này. Khối lượng tăng lên cùng với tín hiệu break mạnh thì đây là tín hiệu tích cực cho thấy khả năng chỉ số HNX-Index sẽ tiếp tục tăng điểm. Mức kháng cự cho chỉ số HNX-Index là khu vực 68 điểm.

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 490.62 điểm, tăng 2.26 điểm tương ứng với mức 0.46% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 71.6 triệu đơn vị, tăng 8.55% so với phiên trước.

- HNX-Index điểm nhẹ lên mức 65.02 điểm, tăng 0.89 điểm tương ứng với mức 1.39% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 64.2 triệu đơn vị, tăng 29.84% so với phiên trước.

- Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn có sự phân hóa. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn tăng điểm như MSN tăng 3.57%, PVF tăng 6.35%, HAG tăng 3.04%... một số cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm giá như BVH giảm 2.52%, GAS giảm 0.22%, VNM giảm 0.97%...

- Quỹ ETF FTSE Vietnam Index sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục trong thời gian từ 1/3-8/3/2013. Thông tin chi tiết về việc thay đổi danh mục sẽ được công bố vào ngày Thứ sáu, 1/3/2013. Hiện chưa có thông tin về thời điểm xem xét lại danh mục của quỹ VNM ETF.

- Hiện FTSE đầu tư vào 22 cổ phiếu Bluechips, VNM đầu tư vào 21 cổ phiếu Bluechips trên TTCK Việt Nam. Tại thời điểm 31/12/2012, NAV của FTSE đạt 253,64 triệu USD, của VNM đạt 286.68 triệu USD. Hiện, NAV của quỹ FTSE đã đạt 379.6 triệu USD (tăng 49.5%), của VNM đạt 409.7 triệu USD (tăng 42.9% so với đầu năm). Xu hướng tăng nhanh chóng NAV/cổ phiếu giúp dòng tiền mới đổ vào hai quỹ ETF tiếp tục tăng mạnh.

- Về thị trường tiền tệ, hôm nay NHNN bơm ròng 14.163 tỷ đồng trên thị trường mở. Tính đến ngày 7/2, khối lượng OMO còn lưu thông đạt 51,460 tỷ đồng, khi đây là thời gian cao điểm về nhu cầu thanh khoản phục vụ dịp Tết nguyên đán. Với lượng vốn lớn bơm qua OMO, lãi suất liên ngân hàng không có nhiều biến động. Lãi suất kỳ hạn qua đêm tăng nhẹ 0.1%, lên 5.1%, giảm ở kỳ hạn 1 tuần, không đổi ở kỳ hạn 1 tháng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 490.62 điểm, tăng 2.26 điểm tương ứng với mức 0.46% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên gần đây.
- Chỉ số VN-Index tiếp cận mức hỗ trợ MA20 và hình thành mô hình đảo chiều Morning Star. Sau khi hình thành mô hình Morning Star thì chỉ số VN-Index đã tăng điểm mạnh break qua mức kháng cự 470 điểm cũng như mức kháng cự của trendline dài hạn hình thành Gap có độ rộng lớn.
- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số VN-Index.
- Mức kháng cự trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 525 điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua đỉnh cũ 470 điểm hình thành Gap có độ rộng lớn tuy nhiên chỉ số VN-Index đã không nối tiếp được đà tăng mạnh này mà có một tuần sideways. Sau phiên tăng điểm mạnh với khối lượng giao dịch lớn ngày hôm qua thì chỉ số VN-Index tiếp tục có phiên tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên phiên break này chưa thuyết phục và có thể sẽ test lại khu vực này trong phiên tới.

HNX-INDEX

- HNX-Index điểm nhẹ lên mức 65.02 điểm, tăng 0.89 điểm tương ứng với mức 1.39% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng khá mạnh so với phiên trước nhưng vẫn ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.
- Chỉ số HNX-Index tiếp cận về khu vực hỗ trợ mạnh của MA20, trendline trung hạn cũng như mức hỗ trợ của Fibonacci 38.2 hình thành mô hình đảo chiều Morning Star. Chỉ báo RSI 9 ngày quay đầu tăng điểm khi tiếp cận đường baseline
- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số HNX-Index.
- Mức kháng cự trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 68 điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch và khi tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự này. Khối lượng tăng lên cùng với tín hiệu break mạnh thì đây là tín hiệu tích cực cho thấy khả năng chỉ số HNX-Index sẽ tiếp tục tăng điểm. Mức kháng cự cho chỉ số HNX-Index là khu vực 68 điểm.



Khuyến nghị đang mở

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Hiệu suất tạm tính (%)
PGC	06/02/2014		Mua	9.6	14	8.9	10.2	6.25

Khuyến nghị đã đóng

Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Khuyến nghị	Giá khuyến	Giá mục	Giá	Giá đóng	Hiệu suất
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

Hiện đang vào mùa KQKD Q4/2012. Tính đến 04/02, có 393 doanh nghiệp đã công bố BCTC Q4, với 83.97% doanh nghiệp báo lãi.

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh cũng là yếu tố hỗ trợ thị trường, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu BlueChips.

Chúng tôi thống kê 10 cổ phiếu có EPS cao nhất, 10 cổ phiếu có tăng trưởng lợi nhuận năm 2012 so 2011 cao nhất, 10 cổ phiếu có tỷ lệ sở hữu của NĐTNN cao nhất để nhà đầu tư tiện tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ EPS CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Hàng tồn kho
	Q4/2012											
HGM	37	-7.46%	335	21,155	41,833	48.12%	60.02%		10.43	-0.12		14
TCT	3	12.19%	2,268	16,795	52,747	33.22%	35.86%		7.56	0.32		1
DPR	0	-	5,035	16,245	47,932	29%	36%	3.23	4.57	-0.06	1.10	173
QTC	12	28.09%	5,535	12,570	37,078	16.80%	36.49%		11.06	-0.08		20
CAP	11	19.15%	4,470	12,005	27,429	20.44%	47.30%		10.43	-0.07		10
TRC	119	-33.40%	3,356	11,613	44,750	23.13%	28.20%	3.88	4.57	0.04	1.01	107
VCF	152	44.10%	2,080	11,431	36,007	31%	36%	17.93	10.76	0.65	5.69	292
LHC	9	30.49%	2,613	11,426	40,856	14.48%	30.29%		11.06	0.32		4
SLS	1	#N/A	152	10,330	23,145	26.85%	52.20%		10.76	0.00		25
WCS	5	28.62%	317	9,960	28,955	26.45%	37.23%	4.41	8.91	0.33	1.52	0

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN NĂM 2012/2011 CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Hàng tồn kho
	Q4.2012											
DHM	4	2380.53%	1,058,234	2,615	11,378	15.07%	24.23%	6.23	10.21	0.12	1.43	78
IVS	1	1925.31%	154,009	131	10,172	1.05%	1.30%	41.86	-	0.79	0.54	0
SRC	11	1901.11%	291,821	2,799	15,521	7.58%	19.50%	5.82	4.16	0.53	1.05	302
HAS	0	834.97%	2,633	619	19,395	2.30%	3.24%	8.56	10.77	-0.15	0.27	8
SMT	2	592.49%	1,914	1,801	12,890	10.48%	15.01%	4.00	7.17	-0.16	0.56	12
VE2	1	590.99%	1	668	11,118	3.82%	6.22%	14.37	10.77	-0.33	0.86	7
VCV	-21	574.83%	23	-4,007	5,624	-18.55%	-52.53%	-0.92	9.19	-0.09	0.66	16
S91	3	556.95%	11,585	2,412	15,785	4.82%	16.50%	2.94	10.77	1.15	0.45	59
CSM	68	546.62%	1,188,386	4,766	16,521	15.07%	32.02%	6.55	4.16	0.98	1.89	689
DTT	-3	424.49%	1,006	-419	13,492	-2.65%	-3.06%	-14.09	4.42	-0.55	0.44	14

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NĐTNN CAO NHẤT

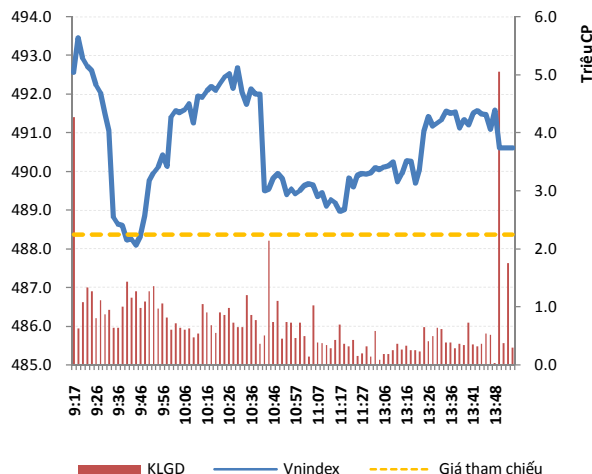
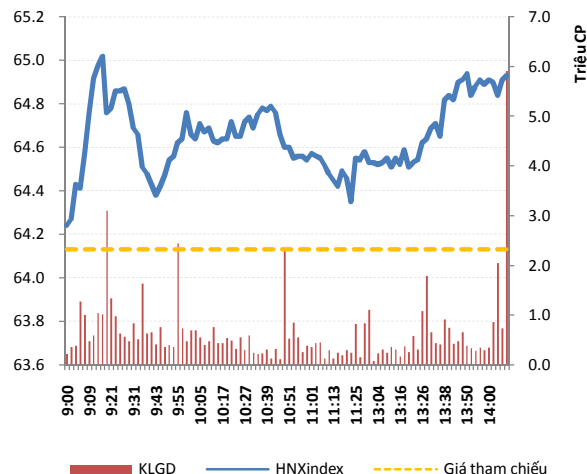
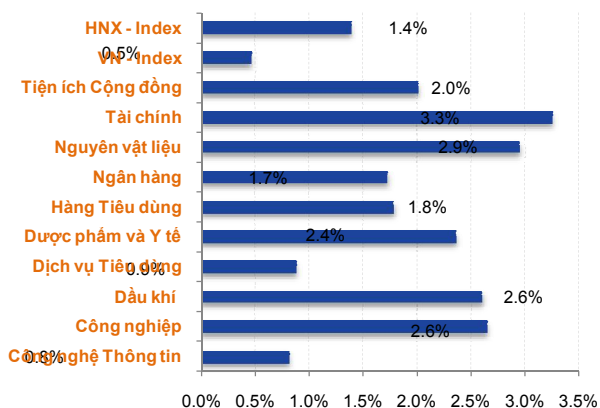
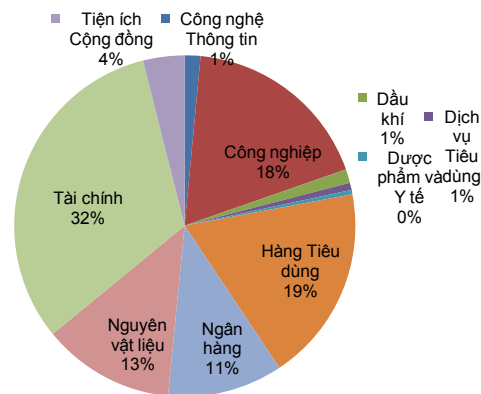
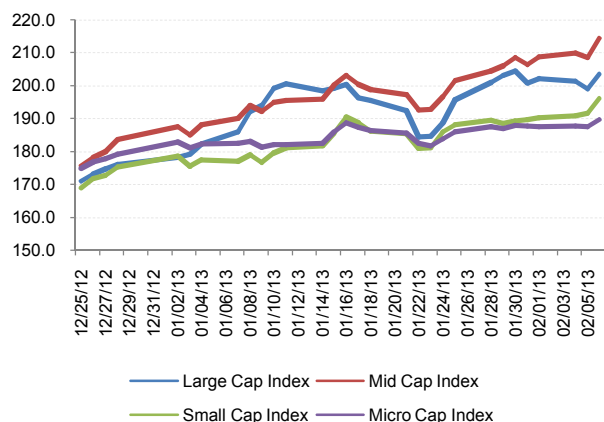
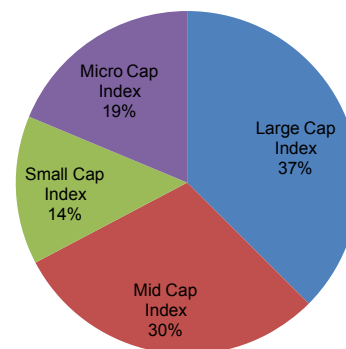
Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Room NĐTNN
	Q4.2012											
BBC	18	-43.21%	84,060	1,653	37,681	3.35%	4.51%	11.55	10.76	0.88	0.51	49.00%
BMP	98	21.34%	39,305	10,231	36,344	27.62%	30.85%	5.28	11.06	0.64	1.49	49.00%
CII	0	-	515,183	3,478	12,543	7%	30%	6.96	11.06	0.38	1.93	49.00%
DHG	135	19.52%	23,498	7,527	25,902	22.47%	31.96%	9.96	6.83	0.38	2.90	49.00%
DMC	24	17.70%	4,127	5,080	32,038	10.91%	15.79%	5.47	6.83	0.23	0.87	49.00%
EVE	14	-44.65%	3,775	3,013	26,388	9.60%	11.74%	7.30	4.57	-0.57	0.83	49.00%
FPT	0	-	418,770	5,684	22,468	11%	26%	6.93	723.00%	1.10	1.75	49.00%
GBS	-11	-185.44%	162,062	-515	11,230	-1.53%	-4.47%			0.80		49.00%
HCM	38	27.00%	166,940	2,453	21,503	8.46%	11.76%	9.05		1.00	1.03	49.00%
IMP	12	-0.68%	11,580	4,704	43,532	9.19%	10.91%	7.42	6.83	0.28	0.80	49.00%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 07/02/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PPC	737,000	MSN	1,345,730
2	CTG	622,390	PVT	400,000
3	HPG	575,850	GMD	258,060
4	ITA	499,320	DRC	160,380
5	HAG	462,470	PVD	115,960

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVX	739,400	SCR	280,400
2	PVS	115,000	THV	77,000
3	PVG	108,000	PGS	49,000
4	VND	100,000	SDT	17,900
5	VCG	87,500	KLS	15,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	9.1	9.0	↓ -1.10%	6,392,990
LCG	8.9	9.5	↑ 6.74%	3,687,110
PVT	4.7	5.0	↑ 6.38%	2,952,330
HPG	25.8	26.1	↑ 1.16%	2,602,560
PVF	12.6	13.4	↑ 6.35%	2,580,360

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.4	7.7	↑ 4.05%	15,311,069
PVX	7.2	7.8	↑ 8.33%	8,909,605
SCR	9.2	9.7	↑ 5.43%	4,718,800
KLS	10.0	10.3	↑ 3.00%	3,659,210
VND	10.2	10.4	↑ 1.96%	3,291,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.6	0.7	0.1	↑ 16.67%
DDM	1.3	1.4	0.1	↑ 7.69%
LSS	14.3	15.3	1.0	↑ 6.99%
SEC	17.3	18.5	1.2	↑ 6.94%
NHS	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BHV	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
KSD	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
SDB	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
DPC	11.1	12.2	1.1	↑ 9.91%
VDL	17.2	18.9	1.7	↑ 9.88%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSI	7.3	6.8	-0.5	↓ -6.85%
DTT	5.9	5.5	-0.4	↓ -6.78%
PNC	4.5	4.2	-0.3	↓ -6.67%
TCO	10.5	9.8	-0.7	↓ -6.67%
TDW	18.0	16.8	-1.2	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TLC	2.0	1.8	-0.2	↓ -10.00%
PDC	4.1	3.7	-0.4	↓ -9.76%
TXM	4.1	3.7	-0.4	↓ -9.76%
HEV	14.4	13.0	-1.4	↓ -9.72%
NST	10.3	9.3	-1.0	↓ -9.71%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,392,990	1.1%	145	62.8	0.7
LCG	3,687,110	-0.1%	(21)	-	0.4
PVT	2,952,330	5.5%	571	8.2	0.4
HPG	2,602,560	12.0%	2,299	11.2	1.1
PVF	2,580,360	5.0%	572	22.0	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	15,311,069	-16.0%	(2,047)	-	0.8
PVX	8,909,605	-9.0%	(1,001)	-	0.8
SCR	4,718,800	1.5%	245	37.6	0.6
KLS	3,659,210	0.9%	107	93.9	0.8
VND	3,291,100	7.4%	789	12.9	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 16.7%	-17.7%	(1,718)	(0.3)	0.1
DDM	↑ 7.7%	-192.5%	(3,176)	(0.4)	(4.5)
LSS	↑ 7.0%	14.4%	3,854	3.7	0.6
SEC	↑ 6.9%	29.2%	3,718	4.7	1.3
NHS	↑ 6.9%	24.0%	5,339	2.4	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BHV	↑ 10.0%	-64.5%	(9,720)	(0.5)	0.5
KSD	↑ 10.0%	-40.1%	(3,182)	(0.6)	0.3
SDB	↑ 10.0%	-49.2%	(4,054)	(0.5)	0.3
DPC	↑ 9.9%	10.4%	1,852	6.0	0.6
VDL	↑ 9.9%	21.6%	2,985	5.8	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PPC	737,000	-6.1%	(630)	-	1.4
CTG	622,390	21.6%	2,492	9.4	1.9
HPG	575,850	12.0%	2,299	11.2	1.1
ITA	499,320	1.1%	145	62.8	0.7
HAG	462,470	5.3%	936	31.6	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	739,400	-9.0%	(1,001)	-	0.8
PVS	115,000	25.2%	4,150	3.7	0.8
PVG	108,000	7.4%	1,095	8.1	0.6
VND	100,000	7.4%	789	12.9	0.9
VCG	87,500	4.9%	541	25.0	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	87,739	26.0%	4,692	9.9	3.3
VNM	85,853	41.6%	6,981	14.8	5.5
VCB	79,951	10.8%	1,832	18.8	1.9
MSN	76,975	13.4%	3,619	30.9	5.0
VIC	62,648	18.3%	1,791	37.7	4.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	16,503	18.5%	2,603	6.8	1.3
SQC	8,800	12.7%	1,489	53.7	6.4
PVS	6,790	25.2%	4,150	3.7	0.8
SHB	6,557	-16.0%	(2,047)	-	0.8
VCG	5,963	4.9%	541	25.0	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.79	-4.1%	(614)	-	0.7
DDM	2.53	-192.5%	(3,176)	-	(4.5)
ITA	2.38	1.1%	145	62.8	0.7
BVH	2.38	12.3%	2,122	28.0	3.4
LAF	2.18	-97.3%	(10,359)	-	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	3.06	-25.5%	(1,860)	-	0.5
S96	2.73	-5.9%	(455)	-	0.6
PVV	2.69	-27.6%	(2,831)	-	0.4
PXA	2.51	-38.5%	(3,390)	-	0.4
VCG	2.47	4.9%	541	25.0	1.2



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)